TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 173/2019/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 11 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 149/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông **Lê Việt C**, sinh năm 1979

2. Bà **Võ Hà Băng S**, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Số 23, đường P, tổ 03, phường A, quận S, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông C, bà S đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Q cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/5/2004. Đến năm 2007, vợ chồng chuyển đến Đà Nẵng sống tại số 23 đường P, tổ 03, phường A, quận S, thành phố Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cải vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Hiện ông C, bà S xác định không còn tình cảm nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông C, bà S.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông C, bà S đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông C, bà S.

[2] Về con chung: Ông C và bà S xác định vợ chồng có 02 con chung gồm: Lê

Công M, sinh ngày 13/9/2004 và Lê Việt N, sinh ngày 26/9/2014. Thuận tình ly hôn, ông C và bà S thỏa thuận: Giao con Lê Công M cho ông Lê Việt C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Lê Việt N cho bà Võ Hà Băng S trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét, ông C và bà S tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của ông C và bà S.

[3] Về tài sản chung: Ông C và bà S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về nợ chung: Ông C và bà S xác định không có nên không đề cập đến.

[5] Về lệ phí HNGĐ sơ thẩm: Ông C và bà S mỗi người chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông C, bà S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0007880 ngày 03/6/2019. Ông C và bà S đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn lập ngày 03 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Việt C và bà Võ Hà Băng S thống nhất thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Q cấp ngày 14/5/2004 không còn giá trị pháp lý)

- Về con chung: Ông C và bà S xác định vợ chồng có 02 con chung gồm: Lê Công M, sinh ngày 13/9/2004 và Lê Việt N, sinh ngày 26/9/2014. Thuận tình ly hôn, ông C và bà S thỏa thuận: Giao con Lê Công M cho ông Lê Việt C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Lê Việt N cho bà Võ Hà Băng S trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông C và bà S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông C và bà S xác định không có.

2. Về lệ phí HNGĐ sơ thẩm: Ông C và bà S mỗi người chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông C, bà S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0007880 ngày 03/6/2019. Ông C và bà S đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND xã C;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ngô Đức Tài